

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 03 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1100/2025/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Bùi Thị Hiền M**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: C, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: D, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ có 02 con chung tên Nguyễn Kim Trí B, sinh ngày 21/10/2018 và cháu Nguyễn Kim Đức T, sinh ngày 26/9/2021.

Ly hôn, bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Kim Trí B cho ông Nguyễn Tiến Đ, giao cháu Nguyễn Kim Đức T cho bà Bùi Thị Hiền M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Bùi Thị Hiền M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Đương sự trình bày tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ có 02 con chung tên Nguyễn Kim Trí B, sinh ngày 21/10/2018 và cháu Nguyễn Kim Đức T, sinh ngày 26/9/2021.

Ly hôn, bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Kim Trí B cho ông Nguyễn Tiến Đ, giao cháu Nguyễn Kim Đức T cho bà Bùi Thị Hiền M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Bùi Thị Hiền M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, nên Tòa án không giải quyết.
- Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007095 ngày 22/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà Bùi Thị Hiền M và ông Nguyễn Tiến Đ đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai;
- Chi cục THADS Khu vực 1- Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bửu